

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HS-PT
Ngày 21-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 77/2017/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2017/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kế N và bà Đặng Thị C; tiền án: Tại Bản án số: 50/2014/HSST ngày 29-5-2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Long An đã xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự; tiền sự: tại Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 21-7-2016 của Công an xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); tại Quyết định số 53/QĐ-XPHC ngày 22-8-2016 của Công an xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 25-10-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ ngày 28-5-2017; tạm giam ngày 31-5-2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13-02-2017, Huỳnh Minh T đi bộ theo Huyện lộ 41 từ hướng cầu M về hướng ngã tư T để tìm nhà bạn tên C. Khi đến nhà chị Nguyễn Thị Kim S ở ấp X, xã H, huyện L, tỉnh Bến Tre thì phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung

màu trắng đang sạc pin để trên bàn trong nhà không có người trông coi nên T đi vào nhà lấy điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đi khỏi nhà. Khi đến sân thì gặp chị S, T giả vờ hỏi thăm đường và đi ra lộ bỏ trốn, chị S vào nhà phát hiện mất điện thoại nên nhờ người truy tìm bắt T giao cho Công an xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, model GT-S7392, số Imel 1: xxxxxx/xx/xxxxxx/x, số Imel 2: xxxxxx/xx/xxxxxx/x, đã qua sử dụng, trị giá 400.000 đồng (cơ quan điều tra đã giao trả cho chị Nguyễn Thị Kim S); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu xám, mang biển kiểm soát 71S5-xxxx, số máy: xxxxx-xxxxxxx, số khung: xxxxxxxxxxxxxxxxx (xe mô tô này hiện là vật chứng trong một vụ án khác nên đã chuyển cho Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HS-ST ngày 18-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28-5-2017. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01-9-2017, bị cáo Huỳnh Minh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

(Bị cáo không nói lời sau cùng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Huỳnh Minh T lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Kim S gồm một điện thoại di động hiệu Samsung giá trị sử dụng còn lại theo định giá là 400.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản chiếm đoạt chưa đến hai triệu đồng, song bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Huỳnh Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận tội trạng đúng như Bản án sơ thẩm đã phán quyết.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có cơ sở. Bởi lẽ, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị chính quyền địa phương nhiều lần xử phạt

vi phạm hành chính và bị Tòa án kết án về tội cướp giật tài sản, nhưng bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải để sống lương thiện mà tiếp tục phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt để bị cáo thi hành.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; thời hạn tù được tính từ ngày 28-5-2017.

2. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Huỳnh Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện L (1b);
- Công an huyện L (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện L, bị cáo (2b);
- TAND huyện L (3b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- UBND xã N – huyện B (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn